

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐT
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2023/HS-ST

Ngày: 08/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐT - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Năm.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lương Xuân Sớm

+ Ông Trần Văn Nam

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã ĐT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Phúc và ông Vũ Văn Tập – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04/8/2023 và ngày 08/8/2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã ĐT, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 42/2023/HS-ST ngày 22/5/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HS ngày 22/6/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2023/QĐST-HS ngày 06/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Đỗ Văn T - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 01/01/1970 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu YL 3, phường ĐC, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Hy và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ là Lê Thị T3; có hai con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2002;

Tiền án: Năm 1997 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội “Cướp giật T sản của công dân” theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Bộ luật hình sự năm 1985, ngày 24/6/1998 chấp hành xong hình phạt tù (chưa chấp hành xong phần dân sự); tiền sự: không; nhân thân: Ngày 15/11/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phúc thẩm, xử phạt 08 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 16 tháng về tội “Đánh bạc”. Ngày 15/3/2019 chấp hành xong bản án. ngày 08/11/2017, bị Công an thị xã ĐT xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”. Ngày 02/01/2018 chấp hành xong quyết định. Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/02/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã ĐT; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Trần Anh T2 - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 20/02/1981 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn TL, xã TV, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc Á và bà Chu Thị Q; bị cáo có vợ là Bùi Thanh N, có ba con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không. Nhân thân: ngày 30/12/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, xử phạt 16 tháng tù, về tội "Trộm cắp T sản". Ngày 21/01/2010 chấp hành xong bản án; ngày 24/2/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản". Ngày 06/01/2018 chấp hành xong bản án. Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/02/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Nguyễn Văn L - tên gọi khác: không; sinh ngày: 02/8/1971 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu Đ, phường H, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tê và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N, có ba con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 15/11/ 2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phúc thẩm, xử phạt 08 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 16 tháng về tội "Đánh bạc". Ngày 15/3/2019 chấp hành xong bản án. Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/02/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo C - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 03/02/1972 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn YL 1, xã ĐC, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R và bà Tống Thị X; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị S; có hai con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 08/11/2017, bị Công an thị xã ĐT xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc". Ngày 02/01/2018 chấp hành xong quyết định. Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/02/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã ĐT; có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo Nguyễn Văn Đ - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 01/11/1964 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ 5, khu TL, phường P, thành phố U tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Khổng Thị L; bị cáo có vợ là Cao Thị L, có ba con, con lớn sinh năm 1988 con nhỏ sinh năm 2009; tiền án: ngày 11/7/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã ĐT, xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự (phạm tội trong mới trong thời gian thử thách); tiền sự: không; nhân thân: ngày 02/02/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xử phạt 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Ngày 3/9/2014, chấp hành xong bản án. Bị can bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/02/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo Vì Thị H - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 08/11/1989 tại huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; nơi thường trú: bản C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện

Biên; tạm trú: khu Cổ G, phường K, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn L và bà Vì Thị S; bị cáo chưa có chồng con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/02/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

7. Bị cáo Nguyễn Thị L2 - tên gọi khác: không; sinh ngày: 06/6/1975 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn N, xã A thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị C bị cáo có chồng là Vũ Văn S; có hai con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/02/2023, bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 17/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

8. Bị cáo Đỗ Trọng H - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 03/9/1979 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu YL 1, phường ĐC; thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Trọng X bà Trần Thị T; bị cáo có vợ là Ngô Thị C; có ba con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 15/3/1999, bị Tòa án nhân dân thị xã ĐT, xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản. Ngày 29/9/2009, chấp hành xong bản án; ngày 20/10/1999, bị Công an huyện (nay là thị xã) ĐT xử phạt hành chính (cảnh cáo) về hành vi "Cố ý gây tH tích".

+ Ngày 19/11/1999 bị Công an huyện (nay là thị xã) ĐT xử phạt hành chính (cảnh cáo) về hành vi "Cố ý gây tH tích"; ngày 26/6/2000, bị Công an thị xã ĐT xử phạt hành chính (phạt tiền) về hành vi "Trộm cắp T sản". Cùng ngày chấp hành xong quyết định; ngày 01/8/2000, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục. Năm 2002 chấp hành xong quyết định. Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/02/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã ĐT; có mặt tại phiên tòa.

9. Bị cáo Nguyễn Văn C2 - tên gọi khác: không; sinh ngày: 19/01/1970 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu YL 1, phường ĐC; thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R và bà Tống Thị X; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, có hai con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/02/2023, bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 17/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

10. Bị cáo Nguyễn Thị Đ - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 02/3/1966 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu YL 3, phường ĐC; thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị D; bị cáo có chồng là Kiều Văn K; có một con; tiền án:

không; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/02/2023, bị tạm giữ đến ngày 24/02/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

11. Bị cáo Nguyễn Sỹ P - tên gọi khác: Không; sinh ngày: 27/01/1983 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn Bãi D xã A; thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sỹ K và bà Vũ thị N; bị cáo có vợ là Lê Thị Y có hai con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/02/2023, bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 17/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại tại nơi cư trú.; có mặt tại phiên tòa.

12. Bị cáo Nguyễn Văn K - Tên gọi khác: không; sinh ngày: 10/2/1979 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu YL 1, phường ĐC; thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Th; có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/02/2023, bị tạm giữ đến ngày 17/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981. Địa chỉ: khu Cổ Giản, phường Kim Sơn, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; Chị CTT, sinh năm 1973. Địa chỉ: thôn Nghĩa Hưng, xã An Sinh, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Những người làm chứng cùng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn T có quan hệ quen biết xã hội với Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị Đ, Đỗ Trọng H, Nguyễn Văn L, C, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Sỹ P, Trần Anh T2, Nguyễn Văn K, Vì Thị H và Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981, trú tại khu Cổ Giản, phường Kim Sơn, thị xã ĐT và chị TCTT, sinh năm 1973, trú tại thôn Nghĩa Hưng, xã An Sinh, thị xã ĐT. Khoảng 08 giờ ngày 14/02/2023 T mời những người trên đến nhà chơi và ăn cơm, uống rượu.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc chờ T cùng mọi người chuẩn bị nấu ăn thì T, P, K, C cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi "Lốc"; ngay sau đó thì H cùng vào tham gia. Các bị cáo sử dụng bộ bài tú lơ khơ có và chiếu cói do T đã chuẩn bị sẵn từ trước trải ra trên phòng khách và cùng nhau thống nhất cách thức đánh bạc như sau: Chia bộ bài tú lơ khơ gồm 52 (năm hai) quân bài, thành năm phần mỗi người được 10 (mười) quân bài. Người nào đánh hết bài trước là thắng, những người còn lại bị thua và sẽ đếm quân bài còn trên tay nhân với 10.000đ (mười nghìn đồng)/1 quân bài để trả cho người thắng, người nào còn nguyên 10 (mười) quân bài trên tay gọi là

lũng (Cháy) thì phải trả cho người thắng 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng); Nếu có người báo bài (xin lộc) mà không bị bắt thì bốn người còn lại mỗi người phải trả cho bài có người báo là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), nếu bị bắt thì người báo phải trả cho người bắt là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng), người nào thắng ván báo hoặc chặn được báo sẽ bỏ ra 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) tiền "Hò" cho T.

Khi tham gia đánh "Lộc" P bỏ ra 1.500.000 đồng đã đánh thua 390.000 đồng còn lại 1.110.000 đồng; H bỏ ra 600.000 đồng, đánh thắng được 600.000 đồng; K bỏ ra 600.000 đồng, đánh thắng được 480.000 đồng; C bỏ ra 4.050.000 đồng, đánh thua 230.000 đồng; T bỏ ra 5.000.000 đồng, đánh thua 500.000 đồng. Các bị cáo đã bỏ ra ngoài chiếu tiền "hò" là 40.000 đồng. Khoảng 11 giờ cùng ngày T đi lên bảo mọi người dừng chơi để ăn cơm, các đối tượng cùng dừng đánh bạc để ăn cơm; lúc này T thu được 40.000đ (bốn mươi nghìn đồng) tiền hò trên chiếu.

Vậy, tổng số tiền dùng đánh bạc dưới hình thức đánh "Lộc" của T, C, P, K và H là 11.750.000đ (mười một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày sau khi ăn cơm, uống rượu xong thì L3 rủ mọi người tiếp tục đánh bạc được thua bằng tiền tại nhà T, đồng thời L3 nói ai đánh "Ù" thì vào phòng ngủ, đánh "Lộc" ở phòng khách thì mọi người đồng ý, cụ thể:

Chiếu thứ nhất gồm: Đ, H, T và L đánh bạc bằng hình thức chơi "Ù" tại phòng ngủ nhà T. Khi Đoàn và mọi người vào phòng ngủ thì T đã trải sẵn chiếu dưới nền nhà và để bộ bài 52 quân ở đó. Sau đó mọi người thống nhất cách thức đánh "Ù" như sau: Dùng một bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 (năm hai) quân bài, chia cho 04 (bốn) phần, mỗi phần 09 (chín) quân bài, riêng người chia bài được 10 (mười) quân bài và là người được đánh trước, phần quân bài còn lại để dưới chiếu cho những người chơi bốc lần lượt đến hết hoặc có người ù. Người chơi sắp xếp các quân bài để tạo thành các phỏm. Phỏm ngang: có 03 (ba) hoặc 04 (bốn) quân bài cùng một hàng; phỏm dọc: có ít nhất từ 03 (ba) đến 09 (chín) quân bài cùng chất. Quá trình chơi, nếu bài của ai có các phỏm và không còn quân bài lẻ gọi là "bài ù" thì những người chơi còn lại phải trả cho người có "bài ù" 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Nếu không có bài ù, thì người chơi sẽ hạ phỏm rồi cộng điểm. Người có số điểm thấp nhất sẽ thắng và lần lượt người có số điểm được tính theo thứ tự nhì, ba và tư (hoặc nếu không có phỏm thì gọi là cháy) và sẽ phải trả cho người thắng số tiền tương ứng cụ thể: tư 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), ba 100.000đ (một trăm nghìn đồng), nhì 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), cháy 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Người ù sẽ bỏ ra 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tiền "Hò" cho T.

Khi tham gia đánh "Ù" Đoàn bỏ ra 500.000 đồng thắng 100.000 đồng; L2T bỏ ra 4.500.000 đồng, thắng được 400.000 đồng; H bỏ ra 1.200.000 đồng thua 1.040.000 đồng. Ban đầu L2 không bỏ tiền ra đánh mà "Ù" 1(một) ván thắng được 900.000đ, bỏ 50.000 đồng tiền hò, khi L2 chơi được khoảng 3(ba) ván thì bị thua nên không chơi nữa mà cầm khoảng 400.000 đồng đi ra phòng khách đánh "Lộc". Sau đó Nguyễn Văn C2 tham gia đánh bạc và bỏ ra 2.350.000 đồng, đồng thời ngồi đúng vị trí của L2 đánh và thắng được 200.000đồng. Như

Vậy, tổng số tiền dùng để đánh bạc chiếu đánh “Ù” lúc đầu của Đoàn, T, H và L2 là 6.200.000đồng (sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Sau đó, của Đoàn, T, H và Cành là 8.150.000đồng (tám triệu một trăm lăm mươi nghìn đồng).

Chiếu thứ hai gồm: C, L, Đ, HL2 đánh bạc bằng hình thức chơi "Lộc" tại phòng khách, L3 lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân có sẵn trên bàn mang xuống đúng vị trí mà buổi sáng C cùng các đối tượng ngồi đánh bạc rồi chia bài, đồng thời C và mọi người thống nhất cách thức đánh “Lộc” giống như buổi sáng. Khi tham gia đánh "Lộc", Đào bỏ ra 1.700.000 đồng thua 50.000đồng; Hưng mang theo 16.000.000 đồng, bỏ ra 2.800.000 đồng sử dụng để đánh bạc, thắng 1.000.000 đồng; L3 bỏ ra 3.800.000 đồng thua 200.000 đồng. C còn lại của lần trước đó 3.820.000 đồng tiếp tục bỏ ra đánh và thua 270.000 đồng. L2 từ chiếu đánh bạc “Ù” cầm theo khoảng 400.000 đồng tiền thắng bạc sang đánh “Lộc” cùng C và mọi người, nhưng không rõ thắng thua.

Tổng số tiền đánh bạc là 12.520.000đ (mười hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi các đối tượng vẫn đang đánh bạc tại hai chiếu bạc thì T thấy có Công an đến nên đi vào nói mọi người dừng lại, rồi lấy 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tiền hồ ở chiếu và vợ các bộ bài vớt ra phía sau nhà, sau đó mới đi ra mở cổng để Công an thị xã ĐT vào kiểm tra.

Khi kiểm tra Công an đã phát hiện, thu giữ các vật chứng sau: 03 (ba) bộ bài tú lơ khơ 52 (năm hai) quân đã sử dụng và 20 (hai mươi) bộ bài tú lơ khơ chưa sử dụng tại phía sau nhà T; 02 (hai) chiếu cói tại phòng khách nhà T. Đồng thời thu giữ trên người: của L2 4.340.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại NOKIA, gắn sim 0915.465.527; của K 23.100.000 đồng, 01 (một) chiếc điện thoại OPPO, gắn sim 0837.624.848 và 01 (một) chiếc điện thoại VIVO Y35, gắn sim 0363.087.699; của T 4.930.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại IPHONE 11, gắn sim 0971.903.156; của bị cáo P 1.110.000đồng và 01 (một) chiếc điện thoại Oppo A54, gắn sim số: 0968.766.067; của T 110.000đồng, 01 (một) chiếc điện thoại Redmi, gắn sim số: 0339.644.436 và trong phòng ngủ 37.900.000 đồng; của Hưng 17.000.000đồng, 01(một) chiếc điện thoại Iphone XSMax, gắn sim số 0966.527.296 và 01 (một) điện thoại Nokia, gắn sim số: 0917.851.979; của Đoàn 600.000 đồng, 01 (một) chiếc điện thoại Oppo F5, gắn sim số 0962.015.456 và 01 (một) chiếc điện thoại có chữ Vertu - 201806; của C 3.550.000 đồng; của Cành 2.550.000 đồng, 01 (một) chiếc điện thoại Motorola, gắn sim số: 0346.218.527; của Đào 1.650.000 đồng; của H 160.000 đồng; của L3 3.600.000 đồng, 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 7, gắn sim số 0357.417.337; của chị Thiện 750.000 đồng, 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 8 plus, gắn sim số: 0355.985.856; của chị Trang 84.000 đồng.

Ngoài ra, còn thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Prety biển kiểm soát 14Z1 - 419.61 của C; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển kiểm soát 14Z1 - 433.02 của Hưng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamen biển kiểm soát 14Z1 - 308.67 của Cành; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Arena biển kiểm soát 14Z1 - 108.39 của K; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 14Z1 - 518.82 và số tiền 10.000.000đồng trong cặp xe của L2; 01 (một) xe mô tô nhãn

hiệu Honda Lead biển kiểm soát 14Z1 - 385.44 của L3; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát 14F2- 5490 của T.

Tại phiên tòa, bị cáo T một lần nữa khẳng định, bị cáo là người gọi điện cho các bạn đến nhà để ăn cơm, liên hoan nhân ngày “lễ tình nhân” (14/2); bị cáo trải chiếu và để bộ bài ngay dưới nền nhà để chơi vui. Khi bị cáo đang chuẩn bị cơm thì các bị cáo đánh bạc, không ai xin phép bị cáo, bị cáo không biết ai khởi xướng việc đánh bạc; khi thấy mọi người đánh bạc bị cáo cũng không phản đối. Bị cáo đã lấy 40.000 đồng tiền “hồ” sau khi dọn chiếu bạc để chi phí tiền chè nước hoặc mua bài. Sau này tìm hiểu, bị cáo thấy hành vi đó là đã đồng phạm với các bị cáo về tội đánh bạc. Sau khi ăn cơm xong, bị cáo ngồi uống nước còn các bị cáo khác đã cùng nhau đánh bạc chia làm hai chiếu. Khi lực lượng công an đến kiểm tra, bị cáo đã thông báo cho các bị cáo khác dừng đánh bài, bị cáo thu chiếu và lấy 50.000 đồng tiền “hồ” trên chiếu. Bị cáo nhận thức việc để cho hai chiếu bạc đánh tại nhà mình là phạm tội gá bạc như cáo trạng tuy tố là đúng. Bị cáo đề nghị được trả lại số tiền 37.920.000 đồng là tiền hợp pháp của bị cáo để sinh hoạt gia đình.

Bị cáo T khẳng định, trưa ngày 14/02/2023 khi đến nhà T chơi, bị cáo thấy đã có chiếu trải sẵn trên nền nhà, bên cạnh có một bộ bài tứ lơ khơ; bị cáo cùng với K, P, C và H cùng ngồi xuống chiếu và tham gia đánh bạc. Bị cáo không biết ai khởi xướng việc đánh bạc. Bị cáo bỏ ra 5.000.000 đồng để đánh bạc, thua 500.000 đồng. Bị cáo thừa nhận số tiền đánh bạc tại chiếu này là 11.750.000 đồng. Sau khi ăn cơm xong, bị cáo lại tham gia đánh bạc cùng với Đoàn, H, L2 và Cánh. Số tiền lúc này bị cáo bỏ ra để đánh bạc là 4.500.000 đồng, thắng 400.000 đồng. Bị cáo thừa nhận số tiền đánh bạc dưới chiếu mà bị cáo phải chịu trách nhiệm là 8.150.000 đồng.

Bị cáo C khẳng định, trưa ngày 14/02/2023 khi đến nhà T chơi, bị cáo thấy đã có một số người ngồi sẵn trên chiếc chiếu trải sẵn trên nền nhà, bên cạnh có một bộ bài tứ lơ khơ; bị cáo cùng ngồi xuống chiếu và nhóm bị cáo gồm T, K, P, H và bị cáo cùng nhau đánh bạc. Bị cáo không khởi xướng và cũng không biết ai khởi xướng việc đánh bạc. Bị cáo bỏ ra 4.050.000 đồng để đánh bạc, thua 230.000 đồng. Bị cáo thừa nhận số tiền đánh bạc tại chiếu này là 11.750.000 đồng. Sau khi ăn cơm xong, khi L3 rủ đánh bạc, bị cáo lại tham gia đánh bạc cùng với L3; Đào, Hưng và L2. Số tiền lúc này bị cáo bỏ ra để đánh bạc là 3.820.000 đồng số tiền còn lại từ sáng, thua 270.000 đồng. Bị cáo thừa nhận số tiền đánh bạc dưới chiếu mà bị cáo phải chịu trách nhiệm là 12.520.000 đồng.

Bị cáo H khai nhận, trưa ngày 14/02/2023 bị cáo được T mời đến nhà chơi. Khoảng 10 giờ ngày 14/02/2023, sau khi giúp T một vài việc vặt bị cáo lên nhà thấy đã có một số người ngồi sẵn trên chiếc chiếu trải giữa phòng khách, bị cáo ngồi xuống chiếu để đánh bạc cùng T, K, C và P. Bị cáo không khởi xướng và cũng không biết ai khởi xướng việc đánh bạc. Bị cáo bỏ ra 600.000 đồng để đánh bạc, thắng 600.000 đồng. Bị cáo thừa nhận số tiền đánh bạc tại chiếu này là 11.750.000 đồng. Sau khi ăn cơm xong, khi L3 rủ đánh bạc, bị cáo lại tham gia đánh bạc cùng với T, L2, Đoàn và Cánh. Số tiền lúc này bị cáo bỏ ra để đánh bạc là 1.200.000 đồng số tiền có từ sáng, thua 1.040.000 đồng. Bị cáo thừa nhận số tiền đánh bạc dưới chiếu mà bị cáo phải chịu trách nhiệm là 8.150.000 đồng.

Bị cáo K khẳng định sáng ngày 14/2/2023, khi bị cáo đến nhà T thì đã có một số người đến trước. Bị cáo cùng với T, P; C và H ngồi xuống một chiếc chiếu đã được trải từ trước, ngay cạnh chiếu là một bộ bài. Các bị cáo cùng muốn chơi bài bạc nên đã cùng nhau đánh bạc. Bị cáo không xác định ai là người khởi xướng vì lúc đó đông người qua lại, mà bản thân các bị cáo cùng muốn chơi cho vui để đợi ăn cơm. Bị cáo bỏ ra 600.000 đồng, đánh thắng được 480.000 đồng. Bị cáo thừa nhận phải chịu trách nhiệm với số tiền cả chiếu bạc là 11.750.000 đồng.

Bị cáo P khẳng định sáng ngày 14/2/2023, khi bị cáo đến nhà T cùng một số người. Bị cáo cùng với T, K, C và H ngồi xuống một chiếc chiếu đã được trải từ trước, ngay cạnh chiếu là một bộ bài. Các bị cáo cùng nhau đánh bạc. Bị cáo không xác định ai là người khởi xướng vì lúc đó đông người qua lại, mà bản thân các bị cáo cùng muốn chơi bạc. Bị cáo bỏ ra 1.500.000 đồng, đánh thua 390.000 đồng, còn lại 1.110.000 đồng. Bị cáo thừa nhận phải chịu trách nhiệm với số tiền cả chiếu bạc là 11.750.000 đồng.

Bị cáo L3 khẳng định ngày 14/2/2023, bị cáo đến nhà T cùng một số người để ăn liên hoan. Sau khi ăn cơm xong, bị cáo có nói với mọi người “ai đánh “Ù” thì vào phòng ngủ, đánh “Lốc” ở phòng khách” thì mọi người đồng ý. Bị cáo cùng với Hưng, C, Đào cùng ngồi xuống chiếu ở phòng khách đánh “Lốc”. Sau đó bị cáo L2 cùng vào tham gia đánh bạc với các bị cáo. Bị cáo bỏ ra 3.800.000 đồng, đánh thua 200.000 đồng, còn lại 3.600.000 đồng. Bị cáo thừa nhận phải chịu trách nhiệm với số tiền cả chiếu bạc là 12.520.000 đồng.

Bị cáo L2 khẳng định ngày 14/2/2023, bị cáo đến nhà T cùng một số người để ăn liên hoan. Sau khi ăn cơm xong, Sau khi bị cáo L3 rủ mọi người đánh bạc, bị cáo vào trong nhà đánh “Ù” cùng các bị cáo Đoàn, T, H. Bị cáo có mang theo 4.340.000 đồng nhưng không bỏ tiền ra để đánh bạc. Khi vào chơi “Ù” bị cáo đánh thắng ngay ván đầu được 900.000 đồng, bị cáo bỏ ra 50.000 tiền hồ cho T và chơi thêm ba ván đều bị thua nên bị cáo cầm 400.000 đồng ra bên ngoài chơi. Tại chiếu bạc này bị cáo xác định bản thân phải chịu trách nhiệm với số tiền 6.200.000 đồng. Khi ra đến phòng khách, bị cáo lại ngồi xuống chiếu tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh “Lốc” cùng các bị cáo Đào, Hưng, L3 và C. Tại chiếu bạc này bị cáo bỏ ra 400.000 đồng, bị cáo không xác định được thắng hay thua. Bị cáo thừa nhận phải chịu trách nhiệm với số tiền cả chiếu bạc là 12.520.000 đồng.

Bị cáo Đoàn khẳng định chiều ngày 14/2/2023 có đến nhà T chơi. Sau khi thấy bị cáo L3 rủ mọi người đánh bạc, bị cáo cùng vào trong buồng đánh “Ù” với T, H, L2 và Cảnh. Bị cáo bỏ ra 500.000 đồng, đánh thắng 100.000 đồng. Bị cáo thừa nhận phải chịu trách nhiệm với số tiền cả chiếu bạc là 8.150.000 đồng.

Bị cáo Hưng khẳng định chiều ngày 14/2/2023 có đến nhà T chơi, bị cáo đến nhà T khi một số người vừa ăn liên hoan xong. Sau khi thấy bị cáo L3 rủ đánh bạc, bị cáo cùng với L3, C, Đào, L2 đánh bạc với hình thức đánh “Lốc”. Bị cáo bỏ ra 2.800.000 đồng, đánh thắng 1.000.000 đồng. Bị cáo thừa nhận phải chịu trách nhiệm với số tiền cả chiếu bạc là 12.520.000 đồng. Bị cáo đề nghị được xin lại số tiền 14.200.000 đồng là tiền hợp pháp của bị cáo không dùng để đánh bạc.

Bị cáo Đào khẳng định ngày 14/2/2023 có đến nhà T, sau khi ăn cơm thấy bị cáo L3 rủ đánh bạc, bị cáo cùng với L3, C, Hưng và L2 đánh bạc với hình thức đánh “Lôc”. Bị cáo bỏ ra 1.700.000 đồng, đánh thua 50.000 đồng. Bị cáo thừa nhận phải chịu trách nhiệm với số tiền cả chiều bạc là 12.520.000 đồng. Bị cáo đề nghị được xin giảm hình phạt và miễn hình phạt bổ sung vì bị cáo đang bị bệnh nặng, kinh tế khó khăn.

Bị cáo Cành khẳng định ngày 14/2/2023 có đến nhà T chơi, sau khi xem các bị cáo đánh “Ù”, thấy bị cáo L2 không đánh nên bị cáo đã ngồi vào vị trí của L2 để đánh bạc cùng Đoàn, T, H. Bị cáo bỏ ra 2.350.000 đồng, đánh thắng 200.000 đồng. Bị cáo thừa nhận phải chịu trách nhiệm với số tiền cả chiều bạc là 8.150.000 đồng. Bị cáo đề nghị được xin giảm hình phạt và miễn hình phạt bổ sung vì bị cáo đang bị đau ốm, kinh tế khó khăn.

Những người làm chứng gồm các chị Nguyễn Thị T và CTT cùng có lời khai xác định nội dung vụ án như trên.

Tại cáo trạng số 43/CT-VKS-ĐT ngày 18/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT truy tố bị cáo Đỗ Văn T về các tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và “Gá bạc” theo điểm b và c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Trần Anh T2, C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vì Thị H, Đỗ Trọng H, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Sỹ P và Nguyễn Văn K về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng đối với các bị cáo và đề nghị:

+) Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm c, b khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự ; xử phạt: Đỗ Văn T từ 15 (mười lăm) tháng tù đến 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Gá bạc”; từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội đánh bạc; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là từ 24 (Hai mươi bốn) tháng tù đến 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt 15/02/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Văn T từ 20.0000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

+) Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Anh T2 từ 12 (Mười hai) tháng tù đến 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt giữ 15/02/2023.

+) Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: C từ 12 (Mười hai) tháng tù đến 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt giữ 15/02/2023.

+) Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn L từ 12 (Mười hai) tháng tù đến 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt giữ 15/02/2023.

+) Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 56; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn Đ từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù, tổng hợp 12 (Mười hai) tháng tù của bản án số 58/2022/HS-ST ngày 11/7/2022, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 21 (Hai mươi một) tháng tù đến 24

(Hai mươi bốn) tháng tù; thời hạn tù kể từ ngày bắt giữ 15/02/2023; được trừ đi 03 ngày tạm giữ của bản án trước (từ ngày 23 đến ngày 25/5/2022).

+) Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Vì Thị H từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt giữ 15/02/2023.

+) Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Đỗ Trọng H từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt giữ 15/02/2023.

+) Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị L2 Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thị Đ; Nguyễn Sỹ P và Nguyễn Văn K (Bị cáo Cảnh, Đào còn được áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L2 từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án 08/8/2023.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Sỹ P và Nguyễn Văn K mỗi bị cáo từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án 08/8/2023.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị Liễu cho Ủy ban nhân dân xã An Sinh thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thị Đ; Nguyễn Sỹ P và Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân phường ĐC, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+) Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền của các bị cáo dùng để đánh bạc gồm: Số tiền thu của K 1.080.000 đồng; của T 4.930.000 đồng; của P 1.110.000 đồng; của T 90.000 đồng; của Hưng 3.800.000 đồng; của Đoàn 600.000 đồng; của C 3.550.000 đồng; của Cảnh 2.550.000 đồng; của Đào 1.650.000 đồng; của H 160.000 đồng; của L3 3.600.000 đồng;

Trả lại cho Đỗ Văn T 37.920.000 đồng; Nguyễn Văn K 22.020.000 đồng; Đỗ Trọng H 13.200.000 đồng; Nguyễn Văn L 4.340.000 đồng nhưng được giữ lại để bảo đảm thi hành án.

+) Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) bộ bài tú lơ khơ 52 (năm hai) quân đã sử dụng và 20 (hai mươi) bộ bài tú lơ khơ chưa sử dụng; 02 (hai) chiếu cói kích thước (16x2) m.

Thực hiện quyền tranh luận, các bị cáo cùng không phát biểu ý kiến tranh luận.

Thực hiện quyền nói lời sau cùng, các bị cáo cùng nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố và xét xử đều bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo nên được Hội đồng xét xử đánh giá là hợp pháp.

Những chứng cứ, T liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập cũng như do người tham gia tố tụng cung cấp đảm bảo đúng quy định theo Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo cùng thừa nhận tính hợp pháp của T liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử đánh giá toàn bộ T liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Căn cứ vào các T liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa, đã xác định được như sau:

Từ khoảng 10 giờ 00 phút đến 11 giờ ngày 14/02/2023, Tại gia đình Đỗ Văn T ở khu YL 3, phường ĐC, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh C, Trần Anh T2, Nguyễn Sỹ P Nguyễn Văn K và Vì Thị H, đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "Lôc" với tổng số tiền dùng đánh bạc là 11.750.000đ (mười một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), T cung cấp dụng cụ đánh bạc gồm bài tú lơ khơ (52 quân), chiếu cỏi để để các đối tượng đánh bạc và thu lợi bất chính (tiền hồ) 40.000đ (bốn mươi nghìn đồng).

Tiếp đến từ khoảng 12 giờ đến 13 giờ cùng ngày Đỗ Văn T lại lại cho phép các đối tượng sử dụng địa điểm nhà ở của mình và cung cấp dụng cụ để nhóm bạn bị cáo đánh bạc với hai chiếu bạc trong đó: Chiếu thứ nhất đánh tại phòng khách gồm: C, Nguyễn Thị L2, Đỗ Trọng H, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Văn L đánh bạc dưới hình thức đánh "Lôc", với tổng số tiền là 12.520.000đ (mười hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng); Chiếu thứ hai đánh bạc trong phòng ngủ; ban đầu gồm: Trần Anh T2, Vì Thị H, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn L đánh bạc dưới hình thức đánh "Ừ" trong đó T, H, Đoàn và L2 đánh bạc với tổng số tiền là 6.200.000đ (sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Sau khi L2 bỏ ra ngoài đánh Lôc, Cảnh ngồi vào vị trí của L2 để cả nhóm tiếp tục đánh bạc. Các bị cáo Nguyễn Văn C2, T, H, và Đoàn đánh bạc với tổng số tiền 8.150.000đ (tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Khi thấy công an thị xã đến kiểm tra, T bảo mọi người dừng chơi bạc, T thu số tiền "hồ" trên chiếu là 50.000 đồng; cất dấu chiếu vào trong nhà và ném các bộ bài vừa được các bị cáo sử dụng ra bãi rác phía sau.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính là 90.000đ (chín mươi nghìn đồng).

[3] Hành vi của các bị cáo Trần Anh T2, C, Nguyễn Văn L, Vì Thị H, Nguyễn Thị L2, Đỗ Trọng H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Sỹ P và Nguyễn Văn K đã phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Đỗ Văn T đã phạm vào tội "Gá bạc" theo điểm b và c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình và tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự với vi trò đồng phạm với các bị cáo T, C, P, K và H đánh bạc vào sáng ngày 14/02/2023.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 321 Tội đánh bạc

1. "Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc

dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Điều 322 Tội gá bạc:

“1. Người nào gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền Sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000đồng trở lên;

...”.

Hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo Trần Anh T2, C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vĩ Thị H, Đỗ Trọng H, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Sỹ P, Nguyễn Văn K và Đỗ Văn T để được thua bằng tiền trên 5.000.000 đồng của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm an toàn xã hội được Bộ luật Hình sự quy định. Các bị cáo là người thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức, biết rõ bản thân đang thực hiện hành vi đánh bạc được thu bằng tiền với số tiền trên 5.000.000 đồng là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố tình thực hiện. Như vậy, đối chiếu với các yếu tố cấu thành tội phạm, đủ cơ sở khẳng định Trần Anh T2, C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vĩ Thị H, Đỗ Trọng H, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Sỹ P, Nguyễn Văn K và Đỗ Văn T phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự

Bị cáo T đã sử dụng địa điểm thuộc quyền Sở hữu của mình để cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên và Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000đồng trở lên, bị cáo thu lợi tiền hồ 50.000 đồng; Hành vi gá bạc của bị cáo Đỗ Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người thành niên, cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Đối chiếu với các yếu tố cấu thành tội phạm đủ cơ sở khẳng định Đỗ Văn T phạm tội “Gá bạc” theo điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

[4] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT đề nghị kết tội mười hai bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng điều luật cũng như mức hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT

là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận. Riêng mức đề nghị hình phạt đối với bị cáo C và Đỗ Văn Hưng có phần nghiêm khắc.

Các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và cùng xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Trần Anh T2, tại phiên toà khai báo quanh co mâu thuẫn với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tuy sau cùng bị cáo đã thừa nhận đã tham gia đánh bạc 2 lần như các lời khai tại cơ quan điều tra là đúng nhưng phản ánh thái độ của bị cáo chưa nghiêm túc trong quá trình làm việc với các cơ quan tiến hành tố tụng.

[5] Hành vi của các bị cáo T; T, C, Đoàn, L2, H, Hưng, L3, Cành, Đào, P và K là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự công cộng làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an ninh xã hội. Các bị cáo đều là người thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật vẫn cố tình phạm tội, vì vậy cần áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn; các bị cáo cùng tụ tập tại nhà của Đỗ Văn T và cùng có ý thức rủ nhau đánh bạc. Vai trò của các bị cáo được đánh giá như sau:

Đối với chiều bạc được các bị cáo T, K, C, P và H đánh bạc và sáng ngày 14/02/2023; các đối tượng đã ngồi sẵn trên chiếu và bộ bài đã được để ngay trên chiếu nên các bị cùng nảy sinh ý định đánh bạc và cùng nhau đánh bạc. T bỏ ra số tiền lớn nhất nên giữ vai trò chính, sau đó lần lượt là C, P, H, K; bị cáo T không trực tiếp đánh bạc đồng phạm giúp sức nên giữ vai trò sau cùng.

Đối với chiều bạc đánh “Lốc” tại nhà T chiều 14/02/2023 giữa các bị cáo L3, C, Đào và L2 thì bị cáo L3 là người có lời nói rủ các bị cáo khác đánh bạc nên bị cáo L3 là người khởi xướng của cả hai chiều bạc trong chiều ngày 14/02/2023 và bỏ số tiền lớn nên giữ vai trò chính sau đó lần lượt đến bị cáo C, bị cáo Hưng, bị cáo Đào và bị cáo L2.

Đối với chiều bạc đánh “Ừ” tại nhà T chiều ngày 14/02/2023; Bị cáo T bỏ số tiền tham gia đánh bạc lớn nhất nên giữ vai trò chính sau đó lần lượt bị cáo Cành, bị cáo H, bị cáo L2 và bị cáo Đoàn. Bị cáo T là người rủ các bị cáo khác đến nhà chơi, tuy không nói rõ là rủ đến đánh bạc nhưng đã chải sẵn chiếu, chuẩn bị nhiều bộ bài để các đối tượng đánh bạc và nhận tiền hồ nên bị cáo có vai trò giúp sức trong tội đánh bạc đối với chiều bạc do các bị cáo T, C, K, P và H đánh bạc sáng 14/02/2023.

Bị cáo T phạm tội “Gá bạc” đối với hai chiều bạc do các bị cáo khác đánh bạc tại nhà bị cáo T chiều 14/02/2023 mỗi chiều đều trên 5.000.000 đồng và tổng số tiền là 20.670.000 đồng. Bị cáo T phạm tội “Gá bạc” độc lập.

[6] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Đỗ Văn T, Trần Anh T2, C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vì Thị H, Nguyễn Thị L2, Đỗ Trọng H, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Sỹ P và Nguyễn Văn K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Sỹ P, Nguyễn Văn C2, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo T có bố là ông Trần Quốc Ân được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến; các bị cáo C, Cảnh có cha đẻ là ông Nguyễn Văn Rô được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo Nguyễn Thị Đ có cha đẻ là ông Nguyễn Văn C2hiêm được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Văn Đ phạm tội khi chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Trần Anh T2, C, Vì Thị H, Nguyễn Văn L “Phạm tội 02 lần trở lên” nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Sau khi xem xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo và quyết định áp dụng hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo Đỗ Văn T phạm hai tội và trước đó đã có một tiền án và có nhân thân xấu cũng về tội “Đánh bạc” nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo về tội “Gá bạc”. Đối với tội đánh bạc, bị cáo đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực nên cũng cần áp dụng một hình phạt tương xứng đối với bị cáo, sau bị cáo T, L2, C và H.

Đối với các bị cáo phạm tội “đánh bạc”, bị cáo Trần Anh T2 tham gia đánh bạc ngay từ đầu, số tiền bỏ ra đánh bạc lớn nhất (5.000.000 đồng), phạm tội hai lần trong một ngày; bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ và một tình tiết tăng nặng; trước đó, bị cáo đã hai lần bị kết án với hình phạt tù, lần gần nhất vào năm 2017 bị xử phạt 12 tháng tù, năm 2018 chấp hành xong bản án, tuy đã được xóa án tích nhưng phản ánh bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo chưa thực sự ăn năn hối cải nên bị cáo phải chịu mức án cao nhất;

Bị cáo Nguyễn Văn L tuy có mang tiền theo người nhưng khi vào chơi bạc bị cáo đã thắng ngay nên bị cáo không bỏ tiền cá nhân để chơi bạc mà chơi bằng số tiền lãi có được, bị cáo phạm tội hai lần liên tiếp; bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ và phải chịu một tình tiết tăng nặng, năm 2017 bị cáo đã từng bị xét xử về tội “đánh bạc” bị phạt 08 tháng tù, được hưởng án treo với thời gian thử thách 16 tháng, đến năm 2019 bị cáo mới chấp hành xong bản án nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, lại hai lần phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật nên bị cáo phải chịu mức án sau bị cáo T.

Bị cáo C tham gia đánh bạc với số tiền bỏ ra đánh bạc ít hơn bị cáo T, bị cáo bỏ ra 4.050.000 đồng để đánh bạc, phạm tội hai lần; bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ và phải chịu một tình tiết tăng nặng; bị cáo có nhân thân đã bị xử phạt hành chính từ năm 2018, từ đó đến nay bị cáo chấp hành chính sách pháp luật tốt tại địa phương nên bị cáo phải chịu mức án sau bị cáo T và L2.

Bị cáo Vì Thị H tham gia đánh bạc từ đầu, số tiền bỏ ra đánh bạc ít hơn bị cáo C (1.200.000 đồng), phạm tội hai lần, bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ và một tình tiết tăng nặng, nhân thân tốt nên bị cáo phải chịu mức án sau bị cáo C.

Bị cáo L3 khởi xướng việc đánh bạc vào buổi chiều, số tiền trực tiếp bỏ ra để đánh bạc là 3.800.000 đồng; tham gia đánh bạc một lần với số tiền phải chịu trách nhiệm là 12.520.000 đồng, có hai tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt nên bị cáo phải chịu mức án sau bị cáo H.

Bị cáo Đoàn bỏ số tiền trực tiếp bỏ ra để đánh bạc là 500.000 đồng, tham gia đánh bạc một lần với số tiền phải chịu trách nhiệm là 8.150.000 đồng, bị cáo có một một tình tiết giảm nhẹ, có một tình tiết tăng nặng là có tiền án, bị cáo phạm tội khi đang chấp hành bản án treo cùng về tội “đánh bạc” điều đó thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo nên bị cáo phải chịu mức án sau bị cáo H và ngang với bị cáo L3. Bị cáo còn phải bị tổng hợp hình phạt với bản án trước.

Bị cáo Hưng số tiền trực tiếp bỏ ra để đánh bạc 2.800.000 đồng tham gia đánh bạc một lần với số tiền phải chịu trách nhiệm là 12.520.000 đồng, có một tình tiết giảm nhẹ, bị cáo tuy đã từng bị xét xử nhưng đã được xoá án tích gần 20 năm, trong thời gian đó luôn chấp hành tốt pháp luật của nhà nước được chính quyền xác nhận nên bị cáo chịu mức án sau bị cáo Đoàn và L3.

Bị cáo Đào; bị cáo P; bị cáo K; bị cáo Cành đều có nhân thân tốt, vai trò thứ yếu trong mỗi chiều bạc; số tiền trực tiếp bỏ ra để đánh bạc không lớn; tham gia đánh bạc một lần với số tiền phải chịu trách nhiệm là từ 11.750.000 đồng đến 12.520.000 đồng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; không phải chịu tình tiết tăng nặng; phạm tội với tính chất nhất thời hám lợi, đồng phạm nhưng không tích cực nên các bị cáo này phải chịu mức hình phạt thấp nhất và bằng nhau.

Các bị cáo T, C, L2, H, Hưng, Đoàn và T có vai trò tích cực trong vụ án; nhân thân xấu, phải chịu tình tiết tăng nặng nên phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo T phạm hai tội (với tội “gá bạc” T phải chịu trách nhiệm độc lập và đồng phạm với các bị cáo khác về tội “đánh bạc”) , bị cáo Đoàn phạm tội khi đang chấp hành án nên cần phải tổng hợp hình phạt đối với hai bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Sỹ P, Nguyễn Văn C2 đều có nhân thân tốt. Do các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội do nhất thời hám lợi; các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà để các bị cáo cải tạo trong sự giám sát giáo dục tại địa pH cũng đủ đảm bảo tính răn đe và giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự quyết định áp dụng đối với các bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo với một thời gian thử thách phù hợp. Cần hủy bỏ các quyết định bảo lãnh số 01 A; 01 B; 01C, 01D, 01E cùng ngày 27/05/2023 và quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 34A, 34B, 34C, 34D, 34E ngày 27/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã ĐT đối với các bị cáo L3; Cành; Đào, P và K.

Trong quá trình nghị án, Hội đồng xét xử còn xem xét đến việc các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, các bị cáo phạm tội mang tính nhất thời hám lợi nên giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của nhà nước và pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T phạm hai tội với mục đích trục lợi cần phạt bổ sung bị cáo về tội “Gá bạc”; miễn hình phạt bổ sung về tội “Đánh bạc”

đối với bị cáo. Đối với các bị cáo khác cần phải áp dụng hình phạt bổ sung nhưng xét các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn nên áp dụng mức thấp hơn quy định của điều luật là phù hợp. Riêng bị cáo Đào và bị cáo Cảnh có hoàn cảnh khó khăn, bản thân có bệnh nặng, không có việc làm, thu nhập thấp không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Đào và bị cáo Cảnh.

[10] Vật chứng vụ án: Vật chứng của vụ án cần xử lý như sau:

+) Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền của các bị cáo dùng để đánh bạc gồm: Số tiền thu; của K 1.080.000 đồng; của T 4.930.000 đồng; của P 1.110.000 đồng; của T 90.000 đồng; của Hưng 3.800.000 đồng; của Đoàn 600.000 đồng; của C 3.550.000 đồng; của Cảnh 2.550.000 đồng; của Đào 1.650.000 đồng; của H 160.000 đồng; của L3 3.600.000 đồng;

Trả lại cho Đỗ Văn T 37.920.000 đồng; Nguyễn Văn K 22.020.000 đồng; Đỗ Trọng H 13.200.000 đồng; Nguyễn Văn L 4.340.000 đồng nhưng được giữ lại để bảo đảm thi hành án.

+) Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) bộ bài tú lơ khơ 52 (năm hai) quân đã sử dụng và 20 (hai mươi) bộ bài tú lơ khơ chưa sử dụng; 02 (hai) chiếu cói kích thước (1,6 x 2) m.

Đối với các T sản hợp pháp của L2 01 (một) chiếc điện thoại NOKIA, gắn sim 0915.465.527; của K 01 (một) chiếc điện thoại OPPO, gắn sim 0837.624.848 và 01 (một) chiếc điện thoại VIVO Y35, gắn sim 0363.087.699; của T 01 (một) chiếc điện thoại IPHONE 11, gắn sim 0971.903.156; của P và 01 (một) chiếc điện thoại Oppo A54, gắn sim số: 0968.766.067; của T 01 (một) chiếc điện thoại Redmi, gắn sim số: 0339.644.436; của Hưng 01 (một) chiếc điện thoại Iphone XSMax, gắn sim số 0966.527.296 và 01 (một) điện thoại Nokia, gắn sim số: 0917.851.979; của Đoàn 01 (một) chiếc điện thoại Oppo F5, gắn sim số 0962.015.456 và 01 (một) chiếc điện thoại có chữ Vertu - 201806; của C của Cảnh 01 (một) chiếc điện thoại Motorola, gắn sim số: 0346.218.527; của L3 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 7, gắn sim số 0357.417.337; của chị Thiện 750.000 đồng, 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 8 plus, gắn sim số: 0355.985.856; của chị Trang 84.000 đồng đã được cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho chủ sở hữu theo quy định, không có khiếu nại, tố cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với các xe mô tô, xe máy được thu giữ gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Prety biển kiểm soát 14Z1 - 419.61 của C; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển kiểm soát 14Z1 - 433.02 của Hưng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamen biển kiểm soát 14Z1 - 308.67 của Cảnh; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Arena biển kiểm soát 14Z1 - 108.39 của K; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 14Z1 - 518.82 và số tiền 10.000.000 đồng trong cốp xe của L2; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển kiểm soát 14Z1 - 385.44 của L3; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát 14F2- 5490 của T. Các T sản này không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định, không có khiếu nại, tố cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị T, CTT đến nhà T chơi không tham gia vào việc đánh bạc nên không đề cập xử lý.

[12] Bị cáo có quyền kháng cáo trong phạm vi và thời hạn luật định.

[13] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm c, b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự ;

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Gá bạc” và tội “Đánh bạc”

Xử phạt: Đỗ Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Gá bạc”; 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt 15/02/2023.

2. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Trần Anh T2 phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt: Trần Anh T2 13 (Mười ba) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt giữ 15/02/2023.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt: Nguyễn Văn L 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt giữ 15/02/2023.

4. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo C phạm tội “đánh bạc”

Xử phạt: C 11 (Mười một) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt giữ 15/02/2023.

5. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Vì Thị H phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt: Vì Thị H 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt giữ 15/02/2023.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 09 (Chín) tháng tù, tổng hợp 12 (Mười hai) tháng tù của bản án số 58/2022/HS-ST ngày 11/7/2022, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 21 (Hai mươi một) tháng tù; thời hạn tù kể từ ngày bắt giữ 15/02/2023; được trừ đi 03 ngày tạm giữ của bản án trước (từ ngày 23 đến ngày 25/5/2022).

7. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L2 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L2 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án 08/8/2023

8. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Đỗ Trọng H phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt: Đỗ Trọng H 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt giữ 15/02/2023.

09. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1,2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C2 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn C2 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án 08/8/2023.

10. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Đ 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án 08/8/2023.

11. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Sỹ P phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Sỹ P 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án 08/8/2023.

12. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn K 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án 08/8/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L2 cho Ủy ban nhân dân xã An Sinh thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; giao các bị cáo Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thị Đ; Nguyễn Sỹ P và Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân phường ĐC, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ các quyết định bảo lãnh số 01 A; 01 B; 01C, 01D, 01E cùng ngày 27/05/2023 và quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 34A, 34B, 34C, 34D, 34E ngày 27/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã ĐT đối với các bị cáo L3; Cảnh; Đào, P và K.

Áp dụng khoản 3 Điều 322; khoản 2, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Văn T về tội “Gá bạc” 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

Áp dụng khoản 3 Điều 321; khoản 2, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự
Phạt bổ sung bị cáo Trần Anh T 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn L 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị L2 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Phạt bổ sung bị cáo C 6.000.000 đồng (Sáu Triệu đồng).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vì Thị H, Đỗ Trọng H mỗi bị cáo 5.000.000 đồng (Năm Triệu đồng).

Phạt các bị cáo Nguyễn Sỹ P và Nguyễn Văn K mỗi bị cáo 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền của các bị cáo dùng để đánh bạc gồm: Số tiền thu của K 1.080.000 đồng; của T 4.930.000 đồng; của P 1.110.000đồng; của T 90.000đồng; của Hưng 3.800.000đồng; của Đoàn 600.000 đồng, của C 3.550.000 đồng; của Cảnh 2.550.000 đồng; của Đào 1.650.000 đồng; của H 160.000 đồng; của L3 3.600.000 đồng.

Trả lại cho Đỗ Văn T 37.920.000 đồng; Nguyễn Văn K 22.020.000 đồng; Đỗ Trọng H 13.200.000 đồng; Nguyễn Văn L 4.340.000 đồng nhưng được giữ lại để bảo đảm thi hành án.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 12/4/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đông Triều với Kho bạc nhà nước Đông Triều)

+) Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) bộ bài tú lơ khơ 52 (năm hai) quân đã sử dụng và 20 (hai mươi) bộ bài tú lơ khơ chưa sử dụng; 02 (hai) chiếc cối kích thước (1,6x2) m.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 59 giữa Chi cục thi hành án thị xã ĐT với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐT ngày 19/5/2023).

Về án phí:

- Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Đỗ Văn T, Trần Anh T2, C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vì Thị H, Đỗ Trọng H, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Sỹ P và Nguyễn Văn K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng: khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 332; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã ĐT;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐT;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thị xã ĐT;
- Chi cục THADS thị xã ĐT;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh
- Lưu hồ sơ + THA

Nguyễn Văn Năm